

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN NÀ LƠI**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 13 - 28 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi tiền thân là Nhà máy thủy điện Nà Lơi được thành lập theo Quyết định số 32/TCT-VPTH ngày 10 tháng 01 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) và chuyển thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi theo Quyết định số 1023/QĐ-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2303000003 ngày 25 tháng 8 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi

Vốn điều lệ của Công ty

50.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại : 023 381 0932

Fax : 023 381 0334

Mã số thuế : 5 6 0 0 1 7 0 4 5 0

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Sản xuất điện thương phẩm; Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện; Sửa chữa thiết bị điện và gia công cơ khí; Hướng dẫn, đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin; Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110 Kv; Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-02 ngày 28 tháng 6 năm 2014 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi (NLC) vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (SJD) bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ NLC:SJD = 1:1.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Bạch Dương | Chủ tịch | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Đông | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Bùi Xuân Tuấn | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------|
| Ông Trịnh Xuân Mạnh | Trưởng ban | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Phạm Trung Thành | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |
| Ông Vũ Trường Giang | Thành viên | 28 tháng 6 năm 2014 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Giám đốc | 28 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Dương Văn Đông | Phó Giám đốc | 29 tháng 7 năm 2012 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lôi tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Số: 328/2014/BCTC-KTTV



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT
THỨC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà LơI gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 29 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 12 tháng 8 năm 2013 với nhận xét không nhận thấy có sự kiện nào để cho thấy Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hoàng Thị Viêt - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầu đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 69.295.472.142 | 55.850.202.082 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 54.167.115.708 | 40.777.442.834 |
| 1. Tiền | 111 | | 15.167.115.708 | 1.777.442.834 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 39.000.000.000 | 39.000.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.934.992.457 | 6.592.043.893 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 7.963.695.568 | 5.544.596.615 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 250.068.000 | 309.206.050 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 183.767.889 | 1.174.280.228 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (462.539.000) | (436.039.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.614.134.146 | 1.836.417.118 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.614.134.146 | 1.836.417.118 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 451.413.257 | 770.834.182 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 123.238.733 | 298.876.763 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.9 | 13.659.882 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 314.514.642 | 471.957.419 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOT

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 65.752.872.971 | 71.332.770.269 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 57.475.576.874 | 60.649.281.236 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 57.243.580.063 | 60.417.284.425 |
| Nguyên giá | 222 | | 148.746.280.790 | 148.746.280.790 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (91.502.700.727) | (88.328.996.365) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.12 | 231.996.811 | 231.996.811 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| Nguyên giá | 241 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.277.296.097 | 10.683.489.033 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13 | 8.277.296.097 | 10.683.489.033 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 135.048.345.113 | 127.182.972.351 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 45.366.003.922 | 5.072.927.353 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 45.366.003.922 | 5.072.927.353 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.14 | 89.861.683 | - |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.15 | 613.500.000 | 540.000.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.16 | 1.737.588.766 | 828.831.768 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 673.886.793 | 1.108.667.600 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 38.819.717.611 | 2.595.427.985 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.18 | 3.431.449.069 | - |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 89.682.341.191 | 122.110.044.998 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 89.682.341.191 | 122.110.044.998 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 26.523.328.590 | 26.523.328.590 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 8.159.012.601 | 40.586.716.408 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 135.048.345.113 | 127.182.972.351 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

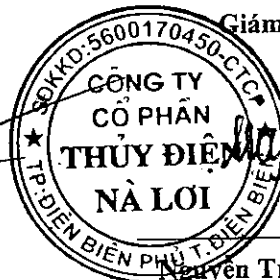
| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | V.20 | 23.380.278 | 23.380.278 |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 251,81 | 251,69 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập ngày 29 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thế Tuyên

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

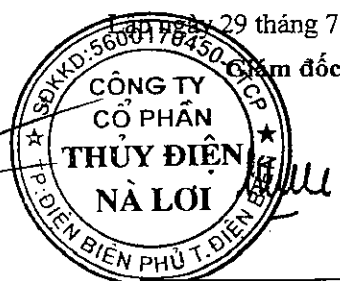
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 21.261.587.260 | 20.913.875.033 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 21.261.587.260 | 20.913.875.033 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 10.932.090.349 | 15.013.352.890 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 10.329.496.911 | 5.900.522.143 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.585.336.815 | 1.064.498.916 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 273.205.044 | 35.049.061 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | 17.282.261 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 2.640.923.356 | 2.502.690.827 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.000.705.326 | 4.427.281.171 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.000.705.326 | 4.427.281.171 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 841.692.725 | 687.903.809 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 8.159.012.601 | 3.739.377.362 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | 1.632 | 748 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thế Tuyền

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 21.141.495.410 | 24.217.953.250 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (3.131.153.823) | (6.177.167.220) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (3.055.085.805) | (3.541.885.082) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | - | (17.282.261) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | V.16 | (400.000.000) | (400.000.000) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 15.871.399 | 135.099.969 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (3.582.759.226) | (6.613.913.044) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 10.988.367.955 | 7.602.805.612 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (1.266.405.983) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.401.304.919 | 926.029.788 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 2.401.304.919 | (340.376.195) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | (1.372.073.100) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>-</i> | <i>(1.372.073.100)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 13.389.672.874 | 5.890.356.317 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 40.777.442.834 | 18.593.848.739 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 54.167.115.708 | 24.484.205.056 |

Người lập biểu

ull

Trần Thế Tuyên

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Tuấn

Bùi Xuân Tuấn

Lập ngày 29 tháng 7 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất điện thương phẩm.
4. Nhân viên
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 54 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 55 nhân viên).
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-02 ngày 28 tháng 6 năm 2014 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi (NLC) vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (SJD) bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ $NLC:SJD = 1:1$.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOT

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí nạo vét lòng hồ

Chi phí nạo vét lòng hồ tích nước được phân bổ với thời gian 24 tháng.

Chi phí sửa chữa

Là các chi phí sửa chữa, thay thế các chi tiết, bộ phận của hệ thống phát điện. Các chi phí sửa chữa được phân bổ 24 đến 36 tháng.

8. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong kỳ kế toán cho 1 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Trích lập các quỹ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 118.778.876 | 676.185 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.048.336.832 | 1.776.766.649 |
| Các khoản tương đương tiền | 39.000.000.000 | 39.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 39.000.000.000 | 39.000.000.000 |
| Cộng | 54.167.115.708 | 40.777.442.834 |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm | | 1.000.000.000 |
| Cho Tổng Công ty Sông Đà vay (*) | 5.127.816.574 | 4.873.464.055 |
| Cộng | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |

(*): Là khoản cho Tổng Công ty Sông Đà vay theo hợp đồng tín dụng số 06/TĐSD-NLC ngày 20/8/2011.

- Mục đích sử dụng vốn là phục vụ sản xuất kinh doanh
- Thời hạn vay: theo nhu cầu của mỗi bên
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay vốn ngắn hạn nội bộ của Tổng Công ty
- Lãi tiền vay nhập gốc.

3. Phải thu khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Khôt | 53.000.000 | 53.000.000 |
| Nhà máy thủy điện Thác Trắng | 143.680.338 | |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc | 7.357.476.230 | 5.082.057.615 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc | 409.539.000 | 409.539.000 |
| Cộng | 7.963.695.568 | 5.544.596.615 |

4. Trả trước cho người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty TNHH TVXD Sông Đà Ucin | 10.068.000 | 10.068.000 |
| Công ty Cổ phần TM&PT Công nghệ Xây Dựng | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Công ty TNHH Global Ant | | 29.138.050 |
| Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC | | 30.000.000 |
| Cộng | 250.068.000 | 309.206.050 |

5. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|----------------------|
| Thu tiền điện thoại | | 450.000 |
| Tiền ăn ca cho CBCNV | 10.000.000 | |
| Tiền lãi dự thu | 102.013.889 | 175.263.889 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 943.312.339 |
| Tiền vay lương CBCNV | 71.754.000 | 55.254.000 |
| Cộng | 183.767.889 | 1.174.280.228 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 436.039.000 | 409.539.000 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 26.500.000 | 26.500.000 |
| Số cuối kỳ | 462.539.000 | 436.039.000 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 823.891.545 | 1.034.044.517 |
| Công cụ, dụng cụ | 39.423.978 | 59.353.978 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 750.818.623 | 743.018.623 |
| Cộng | 1.614.134.146 | 1.836.417.118 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm tài sản | 26.199.643 | 104.798.581 |
| Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh | 97.039.090 | 194.078.182 |
| Cộng | 123.238.733 | 298.876.763 |

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 101.947.572.267 | 44.981.826.691 | 1.531.420.130 | 285.461.702 | 148.746.280.790 |
| Tăng trong kỳ | | | | | |
| Giảm trong kỳ | | | | | |
| Số cuối kỳ | 101.947.572.267 | 44.981.826.691 | 1.531.420.130 | 285.461.702 | 148.746.280.790 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 44.981.826.691 | 530.502.857 | 248.461.702 | 45.760.791.250 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 43.187.122.069 | 43.989.977.587 | 880.823.891 | 271.072.818 | 88.328.996.365 |
| Tăng trong kỳ do khấu hao | 2.125.642.728 | 991.849.104 | 50.045.862 | 6.166.668 | 3.173.704.362 |
| Giảm trong kỳ | | | | | |
| Số cuối kỳ | 45.312.764.797 | 44.981.826.691 | 930.869.753 | 277.239.486 | 91.502.700.727 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 58.760.450.198 | 991.849.104 | 650.596.239 | 14.388.884 | 60.417.284.425 |
| Số cuối kỳ | 56.634.807.470 | | 600.550.377 | 8.222.216 | 57.243.580.063 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình Thủy điện Nậm Khẩu Hu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa | 8.004.185.202 | | 1.515.450.510 | 6.488.734.692 |
| Thí nghiệm định kỳ | 367.048.752 | | 200.208.408 | 166.840.344 |
| Chi phí Nạo vét lòng hồ | 1.504.083.203 | | 429.738.060 | 1.074.345.143 |
| Chi phí đầu tư cụm thủy điện Lê Bâu | 774.080.963 | | 273.205.044 | 500.875.919 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 34.090.913 | 52.000.000 | 39.590.914 | 46.499.999 |
| Cộng | 10.683.489.033 | 52.000.000 | 2.458.192.936 | 8.277.296.097 |

14. Phải trả người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-------------------|------------|
| DNTN Vận chuyển Thiện Thanh Điện Biên | 68.200.000 | |
| Chi nhánh Bưu chính Viettel Điện Biên | 21.661.683 | |
| Cộng | 89.861.683 | |

15. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH SX và TM Đức Thành - CN Pakhoang | 540.000.000 | 540.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He | 73.500.000 | |
| Cộng | 613.500.000 | 540.000.000 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 385.286.089 | 2.009.898.905 | 1.798.415.441 | 596.769.553 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 234.212.685 | 841.692.725 | 400.000.000 | 675.905.410 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 48.767.152 | (29.560.034) | 32.867.000 | (13.659.882) |
| Thuế tài nguyên | 160.565.842 | 1.329.604.988 | 1.025.257.027 | 464.913.803 |
| Các loại thuế khác | | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| Cộng | 828.831.768 | 4.154.636.584 | 3.259.539.468 | 1.723.928.884 |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Đồng thời Công ty được hưởng ưu đãi do là Cơ



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOT

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

sở kinh doanh mới được thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 đã được thay thế bởi thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 2/8/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2014. Theo đó Công ty được hưởng Thuế thu nhập doanh nghiệp chi tiết như sau:

- Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, áp dụng trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 đến năm 2018).
- Được miễn thuế 03 năm (năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2015).

Năm tài chính 2014 là năm thứ tám Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Hoạt động ưu đãi | Hoạt động khác | Cộng |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.557.955.066 | 1.442.750.260 | 9.000.705.326 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | | |
| Chi phí không được trừ | 132.000.000 | 273.205.044 | 405.205.044 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | | |
| Thu nhập chịu thuế | 7.689.955.066 | 1.715.955.304 | 9.405.910.370 |
| Thu nhập được miễn thuế | | | |
| Thu nhập tính thuế | 7.689.955.066 | 1.715.955.304 | 9.405.910.370 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 10% | 22% | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 768.995.507 | 377.510.167 | 1.146.505.674 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% | (384.497.754) | | (384.497.754) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 384.497.753 | 377.510.167 | 762.007.920 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | | 79.684.805 | 79.684.805 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 384.497.753 | 457.194.972 | 841.692.725 |

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------|----------------|---------------|
| Kinh phí công đoàn | 20.122.930 | 20.249.220 |
| Thù lao HĐQT và ban kiểm soát | 156.600.000 | 78.300.000 |
| Cổ tức phải trả | 36.000.000.000 | |
| Phí dịch vụ môi trường rừng | 2.556.330.060 | 2.359.125.340 |
| Vũ Văn Tân | | 42.566.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền đăng phí | 41.422.967 | 28.500.539 |
| Quỹ vì tình đồng nghiệp Sông Đà | 45.241.654 | 47.023.294 |
| Phải trả khác | | 19.663.592 |
| Cộng | 38.819.717.611 | 2.595.427.985 |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------------|------------------|
| Số đầu năm | | |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 4.586.716.408 | |
| Chi quỹ trong năm 2013 | (1.155.267.339) | |
| Số cuối kỳ | 3.431.449.069 | |

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 50.000.000.000 | 23.858.500.925 | 5.000.000.000 | 24.339.272.155 | 103.197.773.080 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | 16.247.444.253 | 16.247.444.253 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | | 2.664.827.665 | | | 2.664.827.665 |
| Số dư cuối năm trước | 50.000.000.000 | 26.523.328.590 | 5.000.000.000 | 40.586.716.408 | 122.110.044.998 |
| Số dư đầu năm nay | 50.000.000.000 | 26.523.328.590 | 5.000.000.000 | 40.586.716.408 | 122.110.044.998 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | | | | 8.159.012.601 | 8.159.012.601 |
| Chia cổ tức kỳ này | | | | (36.000.000.000) | (36.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | | | | (4.586.716.408) | (4.586.716.408) |
| Số dư cuối kỳ | 50.000.000.000 | 26.523.328.590 | 5.000.000.000 | 8.159.012.601 | 89.682.341.191 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Sông Đà | 25.500.000.000 | 25.500.000.000 |
| Nguyễn Như Song | | 2.867.000.000 |
| Vốn góp các đối tượng khác | 24.500.000.000 | 21.633.000.000 |
| Cộng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nợ khó đòi đã xử lý

| | Kỳ này | Năm trước |
|---------------------------------|------------|------------|
| Số đầu năm | 23.380.278 | 23.380.278 |
| Nợ khó đòi đã được thu hồi được | | |
| Số cuối kỳ | 23.380.278 | 23.380.278 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | | |
| <i>Doanh thu bán điện thương phẩm</i> | 21.130.968.771 | 20.760.099.607 |
| <i>Doanh thu cho thuê đường dây truyền tải điện</i> | 130.618.489 | 153.775.426 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Doanh thu thuần | 21.261.587.260 | 20.913.875.033 |

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn sản xuất điện thương phẩm

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.566.647.662 | 972.231.243 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 18.689.153 | 35.783.684 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | 56.483.989 |
| Cộng | 1.585.336.815 | 1.064.498.916 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | | 17.282.261 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | | 17.766.800 |
| Chi phí đầu tư thủy điện Lê Bầu | 273.205.044 | |
| Cộng | 273.205.044 | 35.049.061 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.429.752.339 | 1.144.807.221 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 221.204.464 | 142.663.681 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 110.426.604 | 142.177.188 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế, phí và lệ phí | 32.328.563 | |
| Chi phí dự phòng | 26.500.000 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 85.722.367 | 159.763.017 |
| Chi phí bằng tiền khác | 734.989.019 | 913.279.720 |
| Cộng | 2.640.923.356 | 2.502.690.827 |

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.159.012.601 | 3.739.377.362 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 8.159.012.601 | 3.739.377.362 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.632 | 748 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | | |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 5.000.000 | 5.000.000 |

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.195.132.097 | 1.021.248.471 |
| Chi phí nhân công | 3.256.678.489 | 1.623.835.376 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.173.704.362 | 4.568.953.445 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 834.693.667 | 743.790.444 |
| Chi phí khác | 3.112.805.090 | 7.055.525.154 |
| Cộng | 13.573.013.705 | 15.013.352.890 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-02 ngày 28 tháng 6 năm 2014 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi (NLC) vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (SJD) bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ NLC:SJD = 1:1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Kỳ này nay |
|------------|--------------------|
| Tiền lương | 269.620.329 |
| Phụ cấp | 24.000.000 |
| Cộng | <u>293.620.329</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--------------------------------|-----------------|
| Tổng Công ty Sông Đà | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà | Cùng Công ty mẹ |

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Sông Đà như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền cho vay | 254.352.519 | 266.405.983 |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tổng Công ty Sông Đà | | |
| Phải thu tiền cho vay | 5.127.816.574 | 4.873.464.055 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | | |
| Phải thu tiền ứng trước | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | <u>5.327.816.574</u> | <u>5.073.464.055</u> |

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất điện thương phẩm (hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 10% doanh thu, tổng tài sản) nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trong khu vực địa lý là tỉnh Điện Biên.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến Tổng Công ty điện lực nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Tổng Công ty Sông Đà vay tiền nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.167.115.708 | 40.777.442.834 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |
| Các khoản phải thu khác | 102.013.889 | 1.174.280.228 |
| Phải thu khách hàng | 7.501.156.568 | 5.108.557.615 |
| Cộng | 66.898.102.739 | 52.933.744.732 |

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|--|--|--------------------------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.167.115.708 | | 54.167.115.708 |
| Phải thu khách hàng | 7.501.156.568 | 462.539.000 | 7.963.695.568 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.127.816.574 | | 5.127.816.574 |
| Các khoản phải thu khác | 102.013.889 | | 102.013.889 |
| Cộng | 66.898.102.739 | 462.539.000 | 67.360.641.739 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 40.777.442.834 | | 40.777.442.834 |
| Phải thu khách hàng | 5.108.557.615 | 436.039.000 | 5.544.596.615 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.873.464.055 | | 5.873.464.055 |
| Các khoản phải thu khác | 1.174.280.228 | | 1.174.280.228 |
| Cộng | 52.933.744.732 | 436.039.000 | 53.369.783.732 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả người bán | 89.861.683 | | | 89.861.683 |
| Các khoản phải trả khác | 36.000.000.000 | | | 36.000.000.000 |
| Cộng | 36.089.861.683 | | | 36.089.861.683 |
| Số đầu năm | | | | |
| Các khoản phải trả khác | 2.595.427.985 | | | 2.595.427.985 |
| Cộng | 2.595.427.985 | | | 2.595.427.985 |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.167.115.708 | 40.777.442.834 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |
| Tài sản thuần | 59.294.932.282 | 46.650.906.889 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.167.115.708 | | 40.777.442.834 | | 54.167.115.708 | 40.777.442.834 |
| Phải thu khách hàng | 7.963.695.568 | (462.539.000) | 5.544.596.615 | (436.039.000) | 7.501.156.568 | 5.108.557.615 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.127.816.574 | | 5.873.464.055 | | 5.127.816.574 | 5.873.464.055 |
| Các khoản phải thu khác | 102.013.889 | | 1.174.280.228 | | 102.013.889 | 1.174.280.228 |
| Cộng | 67.360.641.739 | (462.539.000) | 53.369.783.732 | (436.039.000) | 66.898.102.739 | 52.933.744.732 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Phải trả người bán | 89.861.683 | | 89.861.683 | |
| Các khoản phải trả khác | 36.000.000.000 | 2.595.427.985 | 36.000.000.000 | 2.595.427.985 |
| Cộng | 36.089.861.683 | 2.595.427.985 | 36.089.861.683 | 2.595.427.985 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng giả định giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

6. Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC).

Điện Biên, ngày 29 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thế Tuyên

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Trung Kiên

